

Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh

LÊ THỊ KIỀU OANH*

Tóm tắt

Bài viết tìm hiểu các nhân tố có ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại tỉnh Trà Vinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán của DNNVV tại tỉnh Trà Vinh, gồm: Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán; Các hướng dẫn có tính pháp lý; Phương tiện cơ sở vật chất tổ chức công tác kế toán; Sự quan tâm đến tổ chức công tác kế toán của chủ doanh nghiệp; Đặc điểm ngành thương mại. Trong đó, nhân tố Đặc điểm ngành thương mại có ảnh hưởng yếu nhất đến hoạt động tổ chức công tác kế toán của các DNNVV tại tỉnh Trà Vinh.

Từ khóa: Trà Vinh, nhân tố, kế toán, công tác, DNNVV

Summary

The paper aims to identify factors influencing accounting task at Tra Vinh province-based SMEs. Research results point out some determinants including Professional qualifications of accountants; Legal guidelines; Facilities; Business owner's interest in accounting task; Characteristics of business line. In particular, Characteristics of business line has the weakest influence on accounting task of SMEs in Tra Vinh province.

Keywords: Tra Vinh, factors, accounting, task, SMEs

GIỚI THIỆU

DNNVV giữ vai trò quan trọng trong việc ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Với chức năng thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cũng như kiểm tra các hoạt động kinh tế, tài chính trong doanh nghiệp, công tác kế toán ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả quản lý ở doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng. Nghiên cứu “Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh” nhằm phân tích các nhân tố tác động đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, từ đó đưa ra giải pháp giúp các DNNVV có kế hoạch tổ chức, sắp xếp công tác này cho phù hợp.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

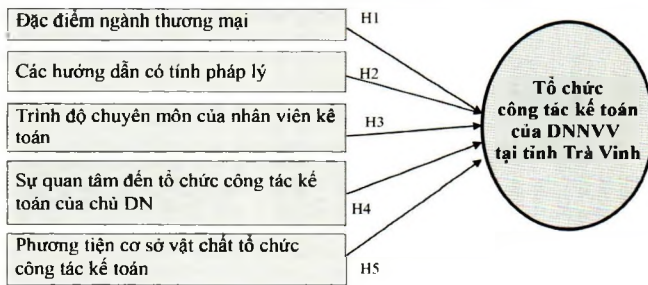
Nghiên cứu của Naomi S. Soderstrom và cộng sự (2007) cho rằng, các nhân tố quyết định đến chất lượng thông tin kế toán khi áp dụng IFRS bao gồm: Hệ thống pháp luật và chính trị; Chuẩn mực kế toán và Việc trình bày báo cáo tài chính. Trong đó, Hệ thống pháp luật và chính trị là nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kế toán theo nhiều hướng khác nhau. Nó có thể tác động trực tiếp đến chất lượng thông tin hoặc tác động gián tiếp đến chất lượng thông tin kế toán thông qua các chuẩn mực kế toán và việc trình bày báo cáo tài chính.

Theo Huỳnh Nguyên Thanh Trúc (2015), có 5 nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV trong ngành xây dựng là: Đặc điểm ngành; Các hướng dẫn có tính pháp lý; Phương tiện; Cơ sở vật chất tổ chức kế toán; Quan tâm đến công tác kế toán của chủ doanh nghiệp; Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán.

Phan Minh Nguyệt (2014) cho rằng, 5 nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính là: Rủi ro kiểm toán; Nhà quản trị

* Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh
Ngày nhận bài: 18/5/2022; Ngày phân biên: 11/6/2022; Ngày duyệt bài: 22/6/2022

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Tác giả đề xuất

BẢNG 1: MA TRẬN XOAY NHÂN TỐ

	1	2	3	4	5
HDPL2	0.818				
HDPL1	0.751				
HDPL5	0.704				
HDPL3	0.672				
HDPL4	0.613				
HDPL6	0.567				
DDTM4		0.893			
DDTM2		0.851			
DDTM3		0.767			
DDTM1		0.715			
PTVC3			0.881		
PTVC1			0.855		
PTVC2			0.785		
PTVC4			0.698		
TDCM4				0.873	
TDCM2				0.851	
TDCM3				0.835	
TDCM1				0.615	
QTTC3					0.837
QTTC2					0.741
QTTC1					0.718
QTTC4					0.608

Nguồn: Tính toán của tác giả

doanh nghiệp; Việc lập và trình bày báo cáo tài chính; Thuế; Lợi ích và chi phí. Nghiên cứu của Đào Nhật Minh (2013) đưa ra 5 nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của tổ chức công tác kế toán trong điều kiện công nghệ thông tin là: Người dùng; Kỹ thuật; Liên quan đến nhiệm vụ; Cấu trúc và Nhóm các nhân tố thêm vào.

Mô hình nghiên cứu

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu như Hình.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp định tính và định lượng. Phương pháp nghiên cứu định tính với kỹ thuật thảo luận chuyên gia với 20 người là những kế toán trưởng, giám đốc tài chính, nhân viên kế toán lâu năm trong các DNNVV, mục đích của thảo luận chuyên gia nhằm khám phá, hiệu chỉnh, phát triển thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV ở tỉnh Trà Vinh.

Nghiên cứu định lượng nhằm mục đích thu thập dữ liệu, đánh giá thang đo và kiểm định mô hình nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu. Có 400 bảng khảo sát phát ra, thu về 395 bảng, trong quá trình nhập liệu, làm sạch số liệu có 3 phiếu trả lời không hợp lệ.

Kết quả, có 392 bảng khảo sát đạt yêu cầu được sử dụng cho phân tích dữ liệu. Khảo sát được thực hiện từ tháng 02 đến tháng 4/2021 (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Trong kết quả nghiên cứu này, giá trị Cronbach's Alpha của các biến đều có giá trị xấp xỉ 0.8, chứng tỏ đây là một thang đo tốt và các biến đều có hệ số tương quan biến - tổng nhỏ nhất đều > 0.3, cho thấy kết quả các biến đều được chấp nhận.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả phân tích cho thấy, hệ số KMO = 0.894, thỏa mãn điều kiện $0.5 < KMO < 1$, cho thấy phân tích EFA là thích hợp cho dữ liệu thực tế. Phân tích EFA trích ra được 5 nhân tố đại diện cho 22 biến quan sát trong các thang đo tại giá trị Eigenvalues là 1.198 (> 1) và giá trị tổng phương sai trích được là 72.07% (> 50%). Điều này có nghĩa là, 72.07% thay đổi của các biến quan sát được giải thích bởi 5 nhân tố đại diện.

Ma trận xoay nhân tố

Bảng 1 cho thấy, 5 nhân tố đại diện được trích ra từ phân tích EFA và các biến quan sát thành phần đều có hệ số tải nhân tố > 0.55. Như vậy, có 5 nhân tố đại diện cho 22 biến quan sát được trích ra từ phân tích EFA. Các nhân tố này phù hợp với mô hình nghiên cứu đề xuất ban đầu. Cụ thể:

- Nhân tố 1 gồm các biến quan sát: HDPL2, HDPL1, HDPL5, HDPL3, HDPL4, HDPL6. Nhân tố này ký hiệu là HDPL, đại diện cho Các hướng dẫn có tính pháp lý.

- Nhân tố 2 gồm các biến quan sát: DDTM4, DDTM2, DDTM3, DDTM1. Nhân tố này ký hiệu là DDTM, đại diện cho Đặc điểm ngành thương mại.

- Nhân tố 3 gồm các biến quan sát: PTVC3, PTVC1, PTVC2, PTVC4. Nhân tố này ký hiệu là PTVC, đại diện cho Phương tiện cơ sở vật chất tổ chức công tác kế toán.

- Nhân tố 4 gồm các biến quan sát: TDCM4, TDCM2, TDCM3, TDCM1. Nhân tố này ký hiệu là TDCM, đại diện cho Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán.

- Nhân tố 5 gồm các biến quan sát: QTTC3, QTTC2, QTTC1. Nhân tố này ký hiệu là QTTC, đại diện cho Sự quan

tâm đến tổ chức công tác kế toán của chủ doanh nghiệp.

Giá trị của 5 nhân tố này được phân mềm SPSS 25.0 tự động tính toán bằng phương pháp hồi quy các biến quan sát thành phần.

Phân tích hồi quy

Để nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán của các DNNVV tại tỉnh Trà Vinh, mô hình hồi quy bội được xây dựng có dạng.

Trong đó: TCKT là biến phụ thuộc, đại diện cho Hoạt động tổ chức công tác kế toán của các DNNVV tại tỉnh Trà Vinh. Các biến độc lập, gồm: Các hướng dẫn có tính pháp lý (HDPL); Đặc điểm ngành thương mại (DDTM); Phương tiện cơ sở vật chất tổ chức công tác kế toán (PTVC); Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán (TDCM); Sự quan tâm đến tổ chức công tác kế toán của chủ doanh nghiệp (QTTC).

Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các biến trong mô hình đều có hệ số VIF < 5, nên mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Kiểm định hiện tượng tự tương quan

Hiện tượng tự tương quan trong mô hình được kiểm định thông qua hệ số Durbin - Watson. Nếu hệ số Durbin-Watson > 1 và < 3, thì mô hình được cho là không có hiện tượng tự tương quan. Trong trường hợp Durbin-Watson < 1 hoặc > 3, thì mô hình có hiện tượng tự tương quan. Kết quả cho thấy, hệ số Durbin-Watson = 1.430. Do đó, mô hình không có hiện tượng tự tương quan.

Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Mô hình hồi quy có hệ số R^2 hiệu chỉnh = 0.809. Như vậy, 80.90% thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập của mô hình hay nói cách khác 80.90% thay đổi của hoạt động tổ chức công tác kế toán của các DNNVV tại tỉnh Trà Vinh được giải thích bởi các nhân tố: Các hướng dẫn có tính pháp lý; Đặc điểm ngành thương mại; Phương tiện cơ sở vật chất tổ chức công tác kế toán; Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán và Sự quan tâm đến tổ chức công tác kế toán của chủ doanh nghiệp.

Kiểm định hệ số hồi quy

Kết quả (Bảng 2) cho thấy, hệ số hồi quy của các biến: HDPL, DDTM, PTVC, TDCM, QTTC đều có ý nghĩa thống kê, hay nói cách khác các nhân tố: Các

BẢNG 2: HỆ SỐ HỒI QUY

	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	t	Sig.	Kiểm định giả thuyết
	Hệ số	Sai số chuẩn				
Hằng số	-2.580E-16	0.022		.000	1.000	
HDPL	0.389	0.022	0.389	17.595	0.000	Chấp nhận H1
DDTM	0.126	0.022	0.126	5.707	0.000	Chấp nhận H2
PTVC	0.340	0.022	0.340	15.376	0.000	Chấp nhận H3
TDCM	0.662	0.022	0.662	29.983	0.000	Chấp nhận H4
QTTC	0.301	0.022	0.301	13.605	0.000	Chấp nhận H5

Nguồn: Tính toán của tác giả

hướng dẫn có tính pháp lý; Đặc điểm ngành thương mại; Phương tiện cơ sở vật chất tổ chức công tác kế toán; Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán và Sự quan tâm đến tổ chức công tác kế toán của chủ doanh nghiệp đều có ảnh hưởng đến hoạt động tổ chức công tác kế toán của các DNNVV tại tỉnh Trà Vinh.

Bên cạnh đó, các hệ số hồi quy tương ứng với các biến: HDPL, DDTM, PTVC, TDCM, QTTC đều có giá trị dương. Như vậy, từ kết quả hồi quy mô hình ta thấy rằng, các nhân tố: Các hướng dẫn có tính pháp lý; Đặc điểm ngành thương mại; Phương tiện cơ sở vật chất tổ chức công tác kế toán; Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán và Sự quan tâm đến tổ chức công tác kế toán của chủ doanh nghiệp đều có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến hoạt động tổ chức công tác kế toán của các DNNVV tại tỉnh Trà Vinh. Nói cách khác, các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 được chấp nhận.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố, gồm: Các hướng dẫn có tính pháp lý; Đặc điểm ngành thương mại; Phương tiện cơ sở vật chất tổ chức công tác kế toán; Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán và Sự quan tâm đến tổ chức công tác kế toán của chủ doanh nghiệp đều có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến hoạt động tổ chức công tác kế toán của các DNNVV tại tỉnh Trà Vinh. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

Một là, về Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán. Các DNNVV cần có hoạt động tuyển dụng phù hợp với năng lực, nguyện vọng của ứng viên kế toán, tạo cho họ sự hứng thú khi vào làm việc, khơi dậy tính sáng tạo, yêu nghề và nhiệt huyết, từ đó đạt được hiệu quả cao trong công việc, gắn bó lâu dài với DNNVV. DNNVV cần phải xây dựng quy trình đào tạo, bồi dưỡng, có các chính sách khuyến khích nhân viên kế toán. Bên cạnh đó, cần xây dựng môi trường làm việc tích cực, quan hệ hài hòa, lành mạnh. Có chính sách khen thưởng, tuyên dương những nhân viên chăm chỉ, có thành tích tốt trong công việc.

Hai là, về Các hướng dẫn có tính pháp lý. Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo tính phù hợp và tuân thủ chính sách, chế độ về quản lý kinh tế tài chính, thuế. Hiện nay nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, các chính

sách, chế độ kinh tế tài chính và thuế cũng cần thường xuyên được sửa đổi, bổ sung sao cho phù hợp với thực tiễn. Do vậy, quá trình tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh Trà Vinh phải nắm bắt kịp thời, đầy đủ các quy định hiện hành của chính sách, chế độ.

Ba là, về Phương tiện cơ sở vật chất tổ chức công tác kế toán. Công nghệ thông tin đã góp phần làm thay đổi toàn diện lĩnh vực kế toán, thể hiện rõ nhất ở phương thức xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin kế toán. Cùng với việc trang bị đồng bộ máy móc thiết bị, đường mạng hợp lý, thì sử dụng đồng bộ một phần mềm kế toán thống nhất làm tăng tính khai thác thông tin để phục vụ yêu cầu quản lý. Phần mềm kế toán được thiết kế các danh mục chức năng cho phép người làm kế toán lựa chọn để máy tính thực hiện, dựa theo mức độ phân quyền sẽ tạo mỗi nhân viên kế toán một tài khoản và mật khẩu duy nhất, nhằm được phép truy cập, để sửa dữ liệu và như vậy sẽ tăng tính cẩn trọng trong công tác nhập liệu vào phần mềm.

Doanh nghiệp cần phải có kế hoạch đào tạo các cán bộ làm công tác kế toán sử dụng thành thạo, thường xuyên cập nhật thông tin, tạo điều kiện tham gia các hội thảo về công nghệ thông tin trong thời đại 4.0, để nâng cao hiệu quả của phần mềm ứng dụng.

Bốn là, về Sự quan tâm đến tổ chức công tác kế toán của chủ doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp cần phải thay đổi cách thức nhìn nhận của mình về vai trò của thông tin kế toán, nhận thức việc sử dụng thông tin kế toán trong quá trình ra quyết định.

Chủ doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật kiến thức kế toán dành cho nhà quản lý, nhằm nâng cao hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp, kiểm soát được những rủi ro có thể xảy ra trong công tác kế toán.

Năm là, về Đặc điểm ngành thương mại

Các DNNVV trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tùy thuộc

vào đặc điểm hoạt động kinh doanh mà xây dựng bộ máy kế toán và dựa vào quy mô DNNVV mà lựa chọn chế độ kế toán cho phù hợp, linh động. Căn cứ vào đặc điểm của DNNVV mà lựa chọn phần mềm kế toán cho phù hợp số lượng nhân viên kế toán tại đơn vị, mức độ phức tạp của các nghiệp vụ, cũng như số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kế toán trưởng trong mỗi DNNVV phải phân công nhiệm vụ rõ ràng bằng văn bản, từ đó quy định rõ mức độ chịu trách nhiệm, chế độ thưởng phạt cho các nhân viên trong bộ máy kế toán, tránh tình trạng không nhân viên nào chịu trách nhiệm, khi xảy ra sơ suất làm thiệt hại lợi ích DNNVV.

Tổ chức công tác kế toán cũng cần phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ người làm kế toán trong DNNVV, thông thường những nội dung chính của tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị, bao gồm: xác định số lượng nhân viên cần phải có, yêu cầu về trình độ nghề nghiệp, bố trí và phân công nhân viên thực hiện các công việc cụ thể, xác lập mối quan hệ giữa các bộ phận kế toán với nhau, cũng như giữa bộ phận kế toán với các bộ phận quản lý khác có liên quan, kế hoạch công tác và việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch... những việc này được thực hiện cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức và quy mô hoạt động của đơn vị, vào tình hình phân cấp quản lý, khối lượng, tính chất và mức độ phức tạp của nghiệp vụ kinh tế tài chính. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS* (tập 1, 2), Nxb Hồng Đức
2. Nguyễn Đình Thọ (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh- Thiết kế và thực hiện*, Nxb Lao động - Xã hội
3. Đào Nhật Minh (2013). *Nhận dạng các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của quá trình tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Định*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
4. Phan Minh Nguyệt (2014). *Xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng thông tin kế toán trình bày trong báo cáo tài chính của các công ty niêm yết ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
5. Nguyễn Thị Huyền Trâm (2007). *Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
6. Huỳnh Nguyên Thanh Trúc (2015). *Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh
7. Naomi S. Soderstrom (2007). *IFRS Adoption and Accounting Quality: A Review*, Social Science Research Network, University of Colorado at Boulder and Kevin Jialin Sun, University of Hawaii at Manoa, August 2007